**TIẾN SĨ GIẤY**

**Nguyễn Khuyến**

I- GỢI DẪN

1. Nguyễn Khuyến (xem bài Câu cá mùa thu).

2. Tiến sĩ giấy là bài thơ thuộc chùm thơ trào phúng của Nguyễn Khuyên. Sinh ra trong gia đình có truyền thống Nho học, từng đỗ đạt làm quan, nhưng đứng trước hiện thực điên đảo của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XIX, ông đã rơi vào tình trạng bi quan, mất hết niềm tự hào về chữ nghĩa thánh hiền. Vì vậy, ông đã viết nhiều bài thơ có giọng điệu trào phúng để thể hiện thái độ và tâm trạng của mình trước hiện thực. Tiến sĩ giấy là bài thơ mang giọng điệu ấy. Bài thơ vừa phê phán những kẻ mang danh tiến sĩ nhưng vô dụng với đất nước, vừa là lời tự trào chua chát của chính tác giả, một nho sĩ đang thấy mình bất lực trước cuộc đời.

3. Đọc chậm, chú ý sự thay đổi linh hoạt của nhịp thơ : 2/2/3 - 4/3 - 2/5 - 2/5 - 2/2/3 - 4/3 - 2/2/3 - 4/3.

II. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

Tiến sĩ giấy vốn là một thứ đồ chơi rất quen thuộc của trẻ con thời xưa. Các bậc cha mẹ mua tiến sĩ giấy cho con để mong muốn bọn trẻ học hành đỗ đạt và ra làm quan. Nguyễn Khuyên đã mượn hình ảnh đồ chơi này để nói về thời cuộc. Triều đình vẫn mở các khoa thi để tuyển chọn nhân tài giúp nước, vẫn có nhiều người đỗ tiến sĩ, nhưng họ đã giúp gì được cho đất nước. Đội ngũ tiến sĩ ấy có thể chia làm hai hạng. Hạng thứ nhất là những người có tài chữ nghĩa thực sự, nhờ chính tài năng mà đỗ đạt nhưng không xoay chuyển được thời thế bằng sức lực của mình nên họ buồn chán, quay về ở ẩn lánh đời. Từ đó họ cảm thấy mình vô dụng như một thứ đồ chơi. Hạng thứ hai là những người đỗ đạt nhờ đồng tiền. Đó là những kẻ bất tài nhưng lại tìm mọi cách để làm quan, để vơ vét của cải, để hưởng vinh hoa phú quý. Đó là một đám tiến sĩ giấy không những vô dụng mà còn có hại cho dân tộc. Hình ảnh tiến sĩ giấy trong tác phẩm của Nguyễn Khuyên có bóng dáng của cả hai hạng tiến sĩ ấy.

Bốn câu thơ đầu phác hoạ nên hình ảnh ông tiến sĩ :

Cũng cờ cũng biển cũng cân đai,

Cũng gọi ông nghè có kém ai.

Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,

Nét son điểm rõ mặt văn khôi.

Tác giả có một cách bắt đầu rất độc đáo : sử dụng điệp từ cũng để nhấn mạnh sự đầy đủ lệ bộ của ông tiến sĩ giấy. Nhưng chính từ cũng ấy làm nên cái bất ngờ cho toàn bài thơ. Nó nửa vời và bất thường. Tất nhiên đã là ông tiến sĩ thì phải có đủ cả cờ, biển, cân đai, và cũng được gọi là ông nghè. Nhà thơ đã từng dùng cách nói này để tự trào :

Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,

Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng.

(Tự trào)

Nhưng đến hai câu tiếp thì tính chất nửa vời ấy tăng tiến với sự xuất hiện của hai cặp đối lập : mảnh giấy / thân giúp bảng ; nét son / mặt văn khôi.

Những hình ảnh thực tế này lại gợi lên những liên tưởng. Ông tiến sĩ giấy thì đương nhiên phải được làm bằng giấy rồi. Chỉ một mảnh giấy quết vài nét son là làm thành một ông tiến sĩ. Mảnh giấy, nét son có thể hiểu là bài thi của các ông nghè, phải có bài thi với những nét son phê mới đỗ được tiến sĩ. Song mảnh giấy, nét son ấy cũng có thể là những thứ dùng để mua danh tiến sĩ. Tính chất trào phúng được thể hiện ở sự đối lập những thứ thật đơn giản, nhỏ bé (mảnh giấy, nét 'son) với một thứ vốn rất đáng trân trọng (thân giáp bảng, mặt văn khôi). Trong thời hoàng kim của Nho học, một người đỗ đạt mang danh thơm về cho cả làng cả tổng. Nó là kết quả của cả đời dùi mài kinh sử. Miêu tả ông nghè giấy nhưng để nói lên chuyện khoa cử, chuyện quan tước. Nhìn bề ngoài, bốn câu thơ đầu vẫn dừng lại ở việc miêu tả và bình luận về ông tiến sĩ - đồ chơi. Nhưng tác giả vẫn chưa nói rõ. Đến hai câu luận, tác giả đã đưa ra lời bình :

Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ,

Cái giá khoa danh ấy mới hời.

Lời bình thể hiện thái độ chua chát của một nhà nho từng ôm mộng khoa danh để phò vua giúp đời. Cái điều danh giá, cái mục đích cao cả mà suốt cả cuộc đời các nhà nho nung nấu nay sao rẻ rúng đến vậy.

Cái giá khoa danh ấy mới hời.

Thân giáp bảng đã trở thành một món hàng, một món hàng rất hời. Thời phong kiến, chuyện mua danh bán tước không phải là chuyện hiếm hoi. Đến thời Nguyễn Khuyến, khi đạo đức đã suy đồi, Nho học đến lúc suy tàn thì chuyện đó chắc càng không hiếm. Trần Tế Xương đã chua xót mà nói rằng :

Lẳng lặng mà nghe nó chúc sang,

Đứa thời mua tước, đứa mua quan.

Phèn này ông quyết đi buôn lọng,

Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.

(Năm mới chúc nhau)

Nguyễn Khuyên thì thâm trầm hơn. Giọng thơ nhẹ nhàng mà thâm thuý này càng thể hiện rõ sự chua xót của một nhà nho từng dùi mài kinh sử, từng lấy mộng khoa danh làm mục đích sống. Cách kết thúc bất ngờ, đột ngột nhưng rất tự nhiên ở câu thơ cuối cùng đã tạo nên tính chất trào phúng và giá trị phê phán cho tác phẩm :

Ghế tréo lọng xanh ngồi bảnh choẹ,

Nghĩ rằng đồ thật hoá đồ chơi !

Đúng là hình ảnh của một thứ đồ chơi đấy chứ. Nhưng tác giả cố tình chọn cách nói nửa vời làm cho thật giả cứ lẫn lộn. Cách thể hiện đầy bất ngờ ấy đã tạo nên hai lớp nghĩa cho bài thơ : Mượn việc vịnh một thứ đồ chơi của trẻ con mà châm biếm loại tiến sĩ rởm đồng thời cũng tự trào sự bất lực của mình. Tiến sĩ giấy vừa là bài thơ trào phúng, châm biếm những kẻ mua danh bán tước, đồng thời cũng là bài thơ tự trào. Đó là lời tự trào của một nhà nho có lòng tự trọng đã nhận ra và thấm thìa nỗi chua xót của một trí thức bất lực trước thời cuộc.

**III - LIÊN HỆ**

1. Tưởng nhớ thi nhân Nguyễn Khuyến, nhà thơ Trần Đăng Thao viết bài thợ Gặp lại người xưa :

Ông ngồi lặng, giữa trời mây,

Chiều buông. Còn một chút ngày khơi vơi.

Chén nghiêng, đăm đắm nhìn trời,

Nước cờ thế sự, một đời chưa xong.

Tưởng rằng, xe đã qua sông,

Ngờ đâu tốt lại nhập cung mất rồi.

Tri âm, còn được mấy người,

Bảng vàng, bia đá ngậm ngùi lòng ai.

Tuổi già chợt thắm, chợt phai,

Ngọn đèn trước gió, ban mai trước chiều.

Nặng niềm non nước cô liêu,

Đớn đau chi, trái tim nhiều xót xa.

Áo xiêm, nghĩ thẹn thân già,

Ông nghè, ông cống cũng là giấy thôi !

Cuốc kêu khắc khoải bên hồi,

Vườn khuya. Sương xuống trắng trời

Trăng lên.

Vườn Bùi, 1976

1. Trong những ngày làm gia sư ở nhà Hoàng Cao Khải, Nguyễn Khuyến rất buồn bực. Bởi vậy, hằng ngày, sau buổi học, ông thường lững thững một mình, dạo vườn thăm cảnh cho khuây khoả.

Vườn nhà Khải có một hòn non bộ lớn dựng giữa một hồ nước rộng, cảnh trí rất xinh. Trên non bộ, có đặt một ông phỗng sành đứng trầm mặc, đăm đăm nhìn xuống mặt nước hồ. Nguyễn Khuyên thường hay tha thẩn quanh đó.

Một hôm, Khải dạo vườn, bất chợt gặp Nguyễn Khuyến đang tần ngần đứng ngắm ông phỗng. Hắn mời ông thử vịnh một bài. Ông ứng khẩu đọc :

Ong đứng làm chi đó hỡi ông ?

Trơ trơ như đá vững như đồng !

Đêm ngày gìn giữ cho ai đó ?

Non nước đầy vơi cố biết không ?

Nhà thơ vịnh phỗng sành hay vịnh chính nhà chủ ?

Nghe nói sau đó, Khải phải để Nguyên Khuyến về quê. Hắn không thể chịu đựng được Nguyên Khuyến lâu hơn nữa.

(Bùi Văn Cường, Nguyễn Khuyến và giai thoại, Hội VHNT Hà Nam Ninh, 1987)